**Mã đề 6.1.7**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** |
| **1** | **A. Listening** | 12 (6 ý) | 7 | 8 (4 ý) | 6 |  |  |  |  | 20 | 13 |
| **2** | **B. Language** | 18 (9 ý) | 8 | 12 (6 ý) | 7 |  |  |  |  | 30 | 15 |
| **3** | **C. Reading** | 9 (3 ý) | 4 | 9 (3 ý) | 5 | 12 (4 ý) | 7 |  |  | 30 | 16 |
| **4** | **D. Writing** | 2 (1 ý) | 1 | 4 (2 ý) | 3 | 4 (2 ý) | 5 | 10 (1 bài) | 7 | 20 | 16 |
| **Tổng** | | **41** | **20** | **33** | **21** | **16** | **12** | **10** | **7** | **100** | **60** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **41** | | **33** | | **16** | | **10** | | **100** |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | **74** | | | | **26** | | | | **100** | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong 1.5 -2.0 phút (khoảng 80 – 100 từ) để chọn đúng các đáp án theo tranh. | **Nhận biết:**  Nghe lấy thông tin chi tiết và tranh . | 5 |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) lấy thông tin điền vào chỗ trống | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II. | **LANGUAGE** | **Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ đề:  *My house;*  *My new school;*  *My friends;* | **Nhận biết:**  Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 9 |  |  |  |  |  |  |  | 9 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Grammar:**  Các chủ điểm ngữ pháp đã học.  *Present Simple;*  *Possessive Case;*  *Prep of place;*  *Present Continuous;*  *Adverb of Frequency* | **Nhận biết:**  Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  | 6 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng những điểm ngữ pháp đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| C. | **READING** | **I. Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học:  *My house;*  *My new school;*  *My friends;* | **Nhận biết:**  Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **II. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, các chủ điểm có trong chương trình  (tiêu đề, từ quy chiếu, từ đồng nghĩa, 1 thông tin chi tiết có trong bài) | **Nhận biết:**  Thông tin chi tiết. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| D. | **WRITING** | **1. Sentence transformation**  Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước  *Prep. of place;*  *Suggestion Expression;*  *Adverbs of frequency;*  *Possessive form;*  *Present continuous* | **Thông hiểu:**  Sử dụng các từ đã cho để đặt thành câu đơn hoàn chỉnh. |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| **Vận dụng:**  Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| **2. Sentence Building**  Sử dụng từ/ cụm từ gợi ý để viết câu  *Present Simple; Prep;*  *Article; verb form..* | **Vận dụng cao:**  - Sử dụng các từ, cụm từ đã cho để đặt thành câu đơn hoàn chỉnh (bổ sung liên từ, giới từ, mạo từ… cần thiết) |  |  |  |  |  | 2 |  | 1 bài |  | 2 + 1 bài |
| **Tổng** | |  |  | **18** | **1** | **13** | **2** | **4** | **2** |  | **1 bài** |  | **40 + 1 bài** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

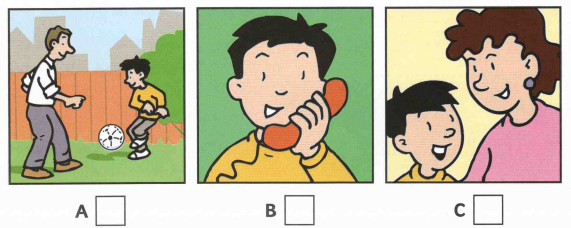
**A. LISTENING (2 points)**

**I. Listen then choose the right answer. (1pt)**

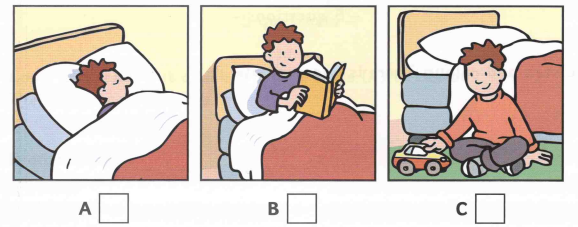
Question 1. What’s Tom playing?



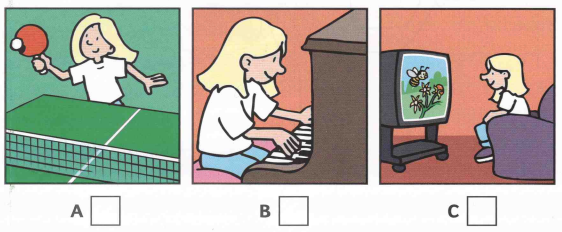
Question 2. What’s Nick doing?



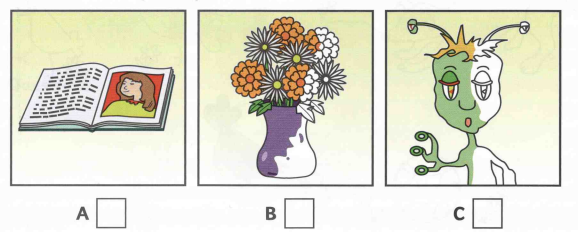
Question 3. What’s Ben doing?



Question 4. What’s Kim doing?



Question 5.What’s Ann painting?



**II. Read the question. Listen write the name or numbers. (1pt)**

|  |
| --- |
| **What’s the boy’s name? ………….Sam………….**  **How old is he? ……….…10……………**  Question 6. Which class is Sam in?.........................................  Question 7. What’s the name of Sam’s teacher?...................  Question 8. Who sits next to Sam in class?............................  Question 9. How many books are in Sam’s bag?..................  Question 10. How old is Sam’s sister?...................................... |

**B. VOCABULARY – GRAMMAR – LANGUAGE FUNCTION (2 points)**

**III. Choose the best option to complete each sentence. Circle A, B, or C.**

Question 11. We are having dinner in the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. bathroom B. bedroom C. kitchen D. livingroom

Question 12. There is a bed, a wardrobe, a desk and a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in my bedroom.

A. cooker B. chair C. table D.fridge

Question 13. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is your favorite room? – My bedroom.

A. What B. Where C. How D. When

Question 14. We’ve moved to a new \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, on the fifth floor.

A. apartment B. town house C. villa D. still house

Question 15. The cat likes sitting near the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in the cold winter.

A. window B. fireplace C. stool D. table

Question 16. Students live and study in a/an \_\_\_\_\_\_ school. They only go home weekends

A. international B. boarding C. Oversea D. secondary

Question 17. Would you like\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ milk ?

A. drink B. drinking C. drinks D. to drink

Question 18. Hoa often \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ her bike to visit his hometown.

A. drives B. rides C. flies D. goes

Question 19. My sister always does her homework before class. She’s very \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. hard- working B. creative C. careful D. kind

Question 20. My new school\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_in the center of the village.

A. not B. isn’t C. doesn’t D. don’t

Question 21. My friend has a sister, but she \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_a brother.

A. not has B. don’t have C. doesn’t have D. not have

Question 22. I \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_late on Sunday.

A. get up usually B. usually get up

C. usually gets up D. get usually up

Question 23. Peter: “ How do you do?”- Mary: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. Yeah OK B. Not too bad

C. How do you do? D. I’m well. Thank you

Question 24. Lam: “ Bye!” – Lan \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. See you lately B. See you later

C. Thank you D. Meet you again

Question 25. John: “ I’ve pass my final exam .” – Tom \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. Good luck B. It’s nice of you to say so.

C. That’s a good idea. D. Congratulations!

**C. READING**

**IV. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks**

The Vietnamese students take part (26) \_\_\_\_\_\_ different after - school activities. Some students play sports. They often (27) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ soccer, table tennis or badminton. Sometimes they (28) \_\_\_\_\_\_\_\_ swimming in the swimming pools. Some students like music, drama, and movies. They often practice playing a musical instrument in the school music room. They (29) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in the school theater group and usually rehearse plays. Some are members of the stamp collectors’ (30) \_\_\_\_\_\_\_\_. They often get together and talk about their stamps. A few students stay at home and play video games or computer games. Most of them enjoy their activities after school hours.

Question 26. A. in B. on C. at D. of

Question 27. A. to play B. plays C. playing D. play

Question 28. A. run B. do C. go D. have

Question 29. A. joines B. join C. joins D. joining

Question 30. A. gang B. class C. family D. club

**V. Read the text about Khoi’s house and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer for each of the questions. (1.0 point)**

Khoi lives with his parents in a lovely flat in Ha Noi. His flat is not very big but it is comfortable. There are five rooms: a living room, a kitchen, two bedrooms, and a bathroom. The living room is the biggest in his house. It has white colour. There are two sofas, a round table, two lamps and a TV in the living room. The bathroom has a sink, a bath, and a shower. The kitchen is very **well-equipped**. There is a fridge, a dishwasher, a gas cooker, and an electric stove. Minh’s bedroom is not large, but it is bright and has a nice colour. He often plays with legos here. Khoi likes his flat a lot.

*Question 31. Where does Khoi live?*

A. in a house B. in a villa C. in a flat D. in an apartment

*Question 32. How many rooms are there in his flat?*

A. two B. three C. four D. five

*Question 33. What is NOT in the living room?*

A. two chairs B. two lamps C. a TV D. a table

*Question 34. What does “****well-equipped****” mean?*

A. having no furniture at all B. having a bright colour

C. having all necessary equipment D. having a nice picture

*Question 35. What does Khoi often do in his bedroom?*

A. He often cleans the bed. B. He often reads books there.

C. He often plays with legos. D. He often watches TV there.

**D. WRITING**

**VI. Rewrite the sentences that is closest in meaning** **to each of the following questions, using the words given at the end of each sentence (1.0 point)**

Question36. I go to the library on Monday and Friday. (twice a week)

Question 37. There is a nice garden behind my house. (in front of)

Question 38. We are going to move our house to the city. (moving)

Question 39. Let’s go to the department store to buy a picture. (How about)

Question 40. Marry has blue eyes. (Marry’s)

**VII. Complete the sentences using the words given. (1.0 point)**

My name/ Mai. / I/ in/ Class 6A. / I/ not/ very tall. / I/ have/ chubby face/ and/ long black hair. / I/ very friendly/ and/ kind/ my friends. / I like/ play/ them/ very much. / I/ love/ sports. / My favourite sport/ tennis. At home/ I/ often/ help/ my mother/ do/ the housework. / I/ always/ feel/ happy.

**------------THE END------------**

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PART** | **CONTENT** | **POINT** |
| **A. LISTENING** | **I. Listen write the name or numbers. (1pt)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | A | 2 | B | 3 | A | 4 | A | 5 | C | | 0,2/✔ |
| **II. Listen and give short answers to these questions. (1pt)**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **6** | five | **8** | Lucy | **10** | 16 (sixteen) | | **7** | Brown | **9** | 4 (four) |  |  | | 0,2/✔ |
| **B. LANGUAGE** | **Choose the best option to complete each sentence. Circle A, B, or C.**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 11 | C | 12 | B | 13 | A | 14 | A | 15 | B | | 16 | B | 17 | D | 18 | B | 19 | A | 20 | B | | 21 | C | 22 | B | 23 | D | 24 | B | 25 | D | | 0,2/✔ |
| **C. READING** | **IV. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks (1.5 points)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 26 | A | 27 | D | 28 | C | 29 | B | 30 | D | | 0,3/✔ |
| **V. Read the text about Khoi’s house and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer for each of the questions. (1.0 point)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 31 | C | 32 | D | 33 | A | 34 | C | 35 | C | | 0,3/✔ |
| **D. WRITING** | **VI. Rewrite the sentences that is closest in meaning** **to each of the following questions, using the words given at the end of each sentence (1.0 point)**  36. I go to the library twice a week.  37. My house is in front of a nice garden.  38. We are moving our house to the city.  39. How about going to the department store to buy a picture?  40. Marry’s eyes are blue. | 0,2/✔ |
|  | **VII. Complete the sentences using the words given. (1.0 point)**  ➊My name is Mai. ➋ I am in Class 6A. ➌I am not very tall. ➍I have a chubby face and long black hair. ➎I’m very friendly and kind to my friends. ➏I like playing with them very much. ➐I love sports. ➑ My favorite sport is tennis. ➒ At home, I often help my mother do the housework. ➓I always feel happy. | 0,1/ correct clause (grammar, spelling, punctuation…) |

**A. LISTENING (2 points)**

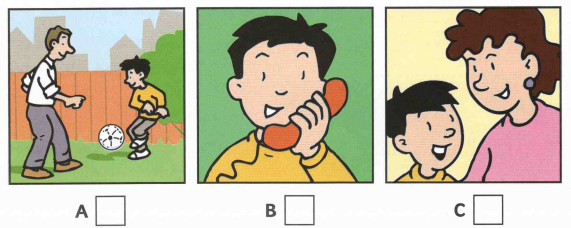
**I. Listen then choose the right answer. (1pt)**

Question 1. What’s Tom playing?



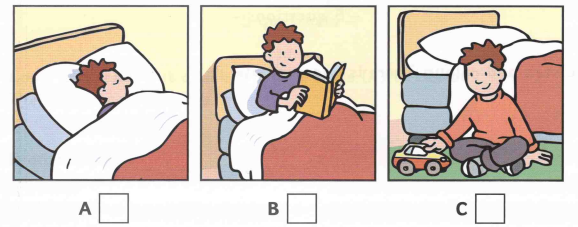
✔

Question 2. What’s Nick doing?



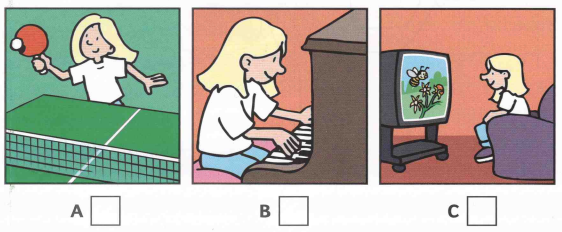
✔

Question 3. What’s Ben doing?



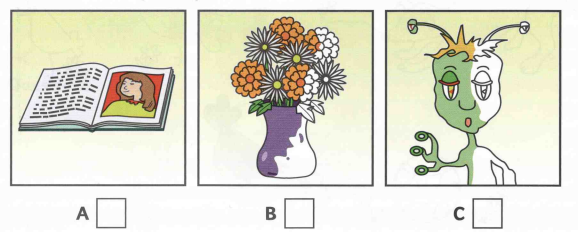
✔

Question 4. What’s Kim doing?



✔

Question 5.What’s Ann painting?



✔

**II. Read the question. Listen write the name or numbers. (1pt)**

|  |
| --- |
| **What’s the boy’s name? ………….Sam………….**  **How old is he? ……….…10……………**  Question 6. Which class is Sam in?..........................................**five**..........................  Question 7. What’s the name of Sam’s teacher?......................**Brown**...............  Question 8. Who sits next to Sam in class?..............................**Lucy.**.........................  Question 9. How many books are in Sam’s bag?......................**4 (four)**………..  Question 10. How old is Sam’s sister?.....................................**16 (sixteen)**............... |

**Choose the best option to complete each sentence. Circle A, B or C.**

Question 11. We are having dinner in the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. bathroom B. bedroom C. kitchen D. livingroom

Question 12. There is a bed, a wardrobe, a desk and a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in my bedroom.

A. cooker B. chair C. table D.fridge

Question 13. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is your favorite room? – My bedroom.

A. What B. Where C. How D. When

Question 14. We’ve moved to a new \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, on the fifth floor.

A. apartment B. town house C. villa D. still house

Question 15. The cat likes sitting near the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in the cold winter.

A. window B. fireplace C. stool D. table

Question 16. Students live and study in a/an \_\_\_\_\_\_ school. They only go home weekends

A. international B. boarding C. Oversea D. secondary

Question 17. Would you like\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ milk ?

A. drink B. drinking C. drinks D. to drink

Question 18. Hoa often \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ her bike to visit his hometown.

A. drives B. rides C. flies D. goes

Question 19. My sister always does her homework before class. She’s very \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. hard-working B. creative C. careful D. kind

Question 20. My new school\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_in the center of the village.

A. not B. isn’t C. doesn’t D. don’t

Question 21. My friend has a sister, but she \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_a brother.

A. not has B. don’t have C. doesn’t have D. not have

Question 22. I \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_late on Sunday.

A. get up usually B. usually get up

C. usually gets up D. get usually up

Question 23. Peter: “How do you do?”- Mary: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. Yeah OK B. Not too bad

C. How do you do? D. I’m well. Thank you

Question 24. Lam: “ Bye!” – Lan \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. See you lately B. See you later

C. Thank you D. Meet you again

Question 25. John: “ I’ve pass my final exam .” – Tom \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. Good luck B. It’s nice of you to say so.

C. That’s a good idea. D. Congratulations!

**C. READING**

**IV. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks (1.5 points)**

The Vietnamese students take part (26) \_\_\_\_\_\_ different after - school activities. Some students play sports. They often (27) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ soccer, table tennis or badminton. Sometimes they (28) \_\_\_\_\_\_\_\_ swimming in the swimming pools. Some students like music, drama, and movies. They often practice playing a musical instrument in the school music room. They (29) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in the school theater group and usually rehearse plays. Some are members of the stamp collectors’ (30) \_\_\_\_\_\_\_\_. They often get together and talk about their stamps. A few students stay at home and play video games or computer games. Most of them enjoy their activities after school hours.

Question 26. A. in B. on C. at D. of

Question 27. A. to play B. plays C. playing D. play

Question 28. A. run B. do C. go D. have

Question 29. A. joines B. join C. joins D. joining

Question 30. A. gang B. class C. family D. club

**V. Read the text about Khoi’s house and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer for each of the questions. (1.5 points)**

Khoi lives with his parents in a lovely flat in Ha Noi. His flat is not very big but it is comfortable. There are five rooms: a living room, a kitchen, two bedrooms, and a bathroom. The living room is the biggest in his house. It has white colour. There are two sofas, a round table, two lamps and a TV in the living room. The bathroom has a sink, a bath, and a shower. The kitchen is very **well-equipped**. There is a fridge, a dishwasher, a gas cooker, and an electric stove. Minh’s bedroom is not large, but it is bright and has a nice colour. He often plays with legos here. Khoi likes his flat a lot.

*Question 31. Where does Khoi live?*

A. in a house B. in a villa C. in a flat D. in an apartment

Question 32. How many rooms are there in his flat?

A. two B. three C. four D. five

*Question 33. What is NOT in the living room?*

A. two chairs B. two lamps C. a TV D. a table

*Question 34. What does “****well-equipped****” mean?*

A. having no furniture at all B. having a bright colour

C. having all necessary equipment D. having a nice picture

*Question 35. What does Khoi often do in his bedroom?*

A. He often cleans the bed. B. He often reads books there.

C. He often plays with legos. D. He often watches TV there.

**D. WRITING**

**VI. Rewrite the sentences that is closest in meaning** **to each of the following questions, using the words given at the end of each sentence (1.0 point)**

Question 36. I go to the library on Monday and Friday. (twice a week)

=> I go to the library twice a week.

Question 37. There is a nice garden behind my house.

=> My house is in front of a nice garden.

Question 38. We are going to move our house to the city.

=> We are moving our house to the city.

Question 39. Let’s go to the department store to buy a picture. (how about)

=> How about going to the department store to buy a picture?

Question 40. Marry has blue eyes. (Marry’s)

=> Marry’s eyes are blue.

**VII. Complete the sentences using the words given. (1.0 point)**

My name is Mai. I am in Class 6A. I am not very tall. I have a chubby face and long black hair. I’m very friendly and kind to my friends. I like playing with them very much. I love sports. My favourite sport is tennis. At home, I often help my mother do the housework. I always feel happy.

**------------THE END------------**